

## NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRÊN PHƯƠNG DIỆN NIỀM TIN CỦA ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM TỪ 1990 ĐẾN NAY<sup>(1)</sup>

*Tóm tắt:* Trong bài viết này, để khảo sát biến đổi trên phương diện niềm tin tôn giáo, trước tiên chúng tôi sẽ khảo sát tình hình chung về niềm tin tôn giáo của người dân từ khi Đổi mới chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam năm 1990 đến nay. Phần này sẽ quan tâm tới mức độ gia tăng hay giảm đi của những người xác nhận mình thuộc một niềm tin tôn giáo nào đó. Tiếp đến bài viết sẽ phân tích niềm tin tôn giáo qua một số trường hợp tôn giáo cụ thể. Phần này có sử dụng một số dữ liệu xã hội học để phân tích, qua đó cho thấy một hiện trạng chung là các tôn giáo dù thiết chế chặt chẽ hay không chặt chẽ đều chịu ảnh hưởng của các biến đổi kinh tế xã hội, nhất là quá trình thế tục hóa. Và sự ràng buộc người tín đồ với niềm tin tôn giáo khác nhau ở các tổ chức tôn giáo. Tiếp nữa chúng tôi cũng quan tâm đến một vài xu hướng biến đổi niềm tin tôn giáo hiện nay qua nhìn nhận từ chủ thể tôn giáo đối với đối tượng thờ cúng; quá trình cải đạo của họ cũng như các chuyển biến về sự đa dạng, tích hợp, thực dụng trong niềm tin của chính các chủ thể.

*Từ khóa:* Chuyển biến; niềm tin; Công giáo; Phật giáo; Tin Lành.

### Dẫn nhập

Trước năm 1990, nhất là giai đoạn 1954-1975 ở miền Bắc và từ 1975-1990 - thời kỳ sau khi thống nhất đất nước, do những hoàn cảnh lịch sử để lại, người dân ít biểu đạt niềm tin tôn giáo của mình

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Bài viết là một phần nội dung của đề tài độc lập cấp Bộ “Đời sống tôn giáo ở Việt Nam từ năm 1990 đến nay” do PGS.TS. Chu Văn Tuấn làm chủ nhiệm.

Ngày nhận bài: 25/11/2019; Ngày biên tập: 05/12/2019; Duyệt đăng: 12/12/2019.

một cách công khai và rộng rãi. Trên thực tế, Nhà nước Việt Nam từ năm 1945 đã luôn tuyên bố trong Hiến pháp về việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân<sup>1</sup>. Dù vậy lúc đó, đôi khi cái nhìn giữa người có niềm tin vào một tôn giáo cụ thể với những người theo tín ngưỡng truyền thống vẫn còn có khoảng cách. Các hiện tượng tín ngưỡng dân gian cũng chưa nở rộ như hiện nay và phần nhiều bị xem là liên quan đến mê tín. Tuy nhiên, từ sau thời điểm Đổi mới<sup>2</sup>, dường như sự kìm nén về cảm xúc tôn giáo và các biểu đạt của nó được dịp biểu lộ mạnh mẽ hơn trong nhân dân, do các quan điểm cũng như chính sách pháp luật của Nhà nước đã có nhiều thay đổi. Các biểu lộ đó phản ánh một hiện thực là trên phương diện niềm tin tôn giáo của người dân, đang có những chuyển biến quan trọng.

Niềm tin tôn giáo là muốn nói tới một mối liên hệ của con người với đối tượng thiêng (Thiên Chúa, Đức Phật, Allah,...). Mối liên hệ đó được xác định qua các mức độ tin của chủ thể (con người) như thế nào với các đối tượng thiêng đó. Nó cũng có thể được xác định qua tính bền vững hay đứt gãy của mối liên hệ đó. Đó còn là trạng thái nhận thức của các chủ thể về tính chất của các đối tượng thiêng ở các thời điểm khác nhau, chẳng hạn Thiên Chúa có còn toàn năng không, Đức Phật hiện diện như thế nào trong bối cảnh ngày nay... Từ mối liên hệ này người ta có thể nhận định về các chuyển biến trên phương diện niềm tin tôn giáo của cá nhân hay cộng đồng nào đó. Nó còn là các thực hành luân lý, đạo đức của tín đồ qua tâm lý, hành vi thờ phượng và các hoạt động xã hội khác. Tuy nhiên, để nhận định được chất lượng hay mức độ niềm tin của một cá nhân hay tập thể vào một hay nhiều đối tượng thờ cúng nào đó, cách tốt nhất là dựa trên các khảo sát xã hội học với các bảng hỏi được thiết kế khoa học và có một cách lấy thông tin chuyên nghiệp. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi không có điều kiện để làm các cuộc khảo sát bảng hỏi. Đó đó để có các dữ liệu phân tích về sự chuyển đổi đời sống tôn giáo trên phương diện niềm tin, chúng tôi dựa vào các tài liệu thứ cấp, các số liệu của các tổ chức tôn giáo,

cũng như một số cuộc khảo sát xã hội học gần đây của Viện Nghiên cứu Tôn giáo để phân tích.

### **1. Biến đổi niềm tin tôn giáo: Một cái nhìn về hiện trạng chung**

Sự biến đổi cần được nhìn trong một cách tham chiếu trước và sau thời điểm được lựa chọn. Ở đây chúng tôi chọn mốc năm 1990 với sự ra đời Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo làm điểm khởi đầu nghiên cứu vì từ thời điểm này đã dẫn tới sự đổi mới về nhận thức cũng như chính sách tôn giáo. Sự biến đổi chung này trước tiên được ghi nhận ở số người tự nhận thuộc về một/nhóm tôn giáo; sự đa dạng của các loại hình niềm tin bên cạnh các loại hình truyền thống cùng các phương thức biểu đạt niềm tin, như: thực hành thờ cúng, xây cất các cơ sở thờ tự, v.v...

Hiện nay, có khoảng 25% dân số Việt Nam chính thức tự nhận mình thuộc về một tổ chức tôn giáo nào đó. Tính trung bình từ Đổi mới đến nay, số lượng tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam tăng khoảng 1,87 lần. Một cách chung nhất, số lượng tín đồ các tôn giáo đều tăng theo hàng năm nhưng mức độ khác nhau ở từng tôn giáo. Giai đoạn từ 2000 đến 2017, số lượng tín đồ tăng nhanh hơn giai đoạn trước đó, 1990-2000<sup>3</sup>. Và giai đoạn sau 1990 tăng nhanh hơn nhiều so với giai đoạn 1975-1990. Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2013 cả nước có 24 triệu tín đồ các tôn giáo (tăng 2,4 lần so với 1975); có 83.000 chức sắc (tăng 2,7 lần so với 1975); có 25.000 cơ sở thờ tự (tăng 1,2 lần so với 1975); có đến 120 tổ chức giáo hội đang hoạt động (tăng hơn 3 lần, chủ yếu là các hệ phái Tin Lành mới phát triển đến)<sup>4</sup>.

Năm 2003, cả nước có khoảng 17,4 triệu tín đồ chiếm 21,8% dân số, 15 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận thuộc 6 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Islam giáo<sup>5</sup>). Các tôn giáo khác do chưa được công nhận tổ chức nên số liệu tín đồ, chức sắc chưa được thống kê đầy đủ.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW, đã có thêm 23 tổ

chức tôn giáo đủ điều kiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và cấp đăng ký hoạt động nâng tổng số các tổ chức tôn giáo lên 38 tổ chức và 01 pháp môn tu hành, 14 tôn giáo, gồm: Phật giáo có Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Công giáo có Giáo hội Công giáo Việt Nam; đạo Tin Lành có 10 tổ chức, hệ phái; Phật giáo Hòa Hảo có Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo; đạo Cao Đài có 10 tổ chức, hệ phái và 01 pháp môn tu hành; Islam giáo có 6 tổ chức; Chăm Balamôn có 2 tổ chức; Mormon có Ban Đại diện lâm thời Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của chúa Giêsu Kitô Việt Nam; Tứ Ân Hiếu Nghĩa có Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Tịnh độ Cư sĩ Phật Hội Việt Nam có Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Việt Nam; Baha'i có Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam; Nam tông Minh Sư đạo có Giáo hội Nam tông Minh Sư đạo; Minh Lý đạo - Tam Tông miếu có Giáo hội Minh Lý đạo - Tam Tông miếu; riêng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương không có hệ thống tổ chức hành chính đạo, chỉ công nhận Ban Quản trị từng chùa<sup>6</sup>. Đến nay (2019) đã có 16 tôn giáo và hơn 40 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận hoặc cấp phép đăng ký sinh hoạt.

Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 25 đưa ra các con số sau: “Ước tính hiện nay khoảng 95% dân số cả nước có tín ngưỡng, tôn giáo. Trong đó có khoảng 24,3 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm 27% dân số, tăng 6,86 triệu tín đồ (tăng 39,4%) so với năm 2003; gần 53 ngàn chức sắc; 133,7 ngàn chức việc; 27,9 ngàn cơ sở thờ tự. Trong đó, tăng nhanh nhất là Phật giáo, tăng 4,7 triệu tín đồ; Công giáo tăng 1,1 triệu tín đồ; đạo Tin Lành tăng 350 ngàn tín đồ; đạo Cao Đài tăng 275 ngàn tín đồ; Phật giáo Hòa Hảo tăng 174 ngàn tín đồ; các tôn giáo khác số lượng tín đồ phát triển ổn định hơn, chủ yếu tăng cơ học. Số lượng tín đồ tôn giáo tăng do các nguyên nhân: tăng cơ học 12,5% (năm 2003 cả nước có trên 80 triệu dân, hiện có trên 90 triệu dân); tăng do “hợp thức hóa” số lượng tín đồ 23 tổ chức tôn giáo mới được cấp đăng ký hoạt động và công nhận về tổ chức nên số liệu được thống kê đầy đủ hơn với trên 1 triệu người (gần 6%). Nếu trừ đi số tín đồ tăng thêm vì lý do

cơ học và do “hợp thức hóa số lượng tín đồ các tôn giáo đã có trước đây” thì số tín đồ tăng khoảng 3,7 triệu người (khoảng 21,2%)”<sup>7</sup>.

Các con số trên đã phản ánh phần nào một thực tế là số người xác định mình là tín đồ của một tôn giáo ngày càng tăng lên, đặc biệt là từ sau năm 1990 đến nay. Có nghĩa là tỷ lệ người có niềm tin tôn giáo cũng không ngừng tăng lên theo thời gian cùng với sự gia tăng dân số. Thực trạng đó nói lên rằng trong xã hội hiện đại, với sự tăng trưởng mạnh của kinh tế và các khía cạnh xã hội thì người dân Việt Nam vẫn dành một vị trí đáng kể cho đời sống tôn giáo. Niềm tin tôn giáo không hề biến mất hoặc suy giảm mà vẫn tồn tại với những biểu hiện sinh động trong đời sống xã hội.

Sở dĩ niềm tin vào tôn giáo vẫn có sự gia tăng trong con người hiện đại bởi một số nguyên nhân sau:

*Thứ nhất*, đó là sự đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong các chính sách kinh tế - xã hội, trong đó có đổi mới cách nhìn nhận về tôn giáo cả ở khía cạnh lý luận, nhận thức và các cải cách về luật pháp, cơ chế, tạo cho các tổ chức tôn giáo cơ hội phát triển tốt hơn so với thời kỳ trước đó. Từ sau năm 1990, có rất nhiều tôn giáo và tổ chức tôn giáo được Nhà nước Việt Nam công nhận, cấp phép hoạt động. Các tổ chức tôn giáo trước đây hoạt động ổn định, có đủ điều kiện đã thực hiện các thủ tục luật định đăng ký hoạt động và công nhận về tư cách pháp nhân; xây dựng, chỉnh lý hiến chương, điều lệ tổ chức theo đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc. Sự đa dạng tổ chức và hoạt động của các tổ chức tôn giáo đáp ứng nhu cầu niềm tin tôn giáo đa dạng của người dân.

*Thứ hai*, thời kỳ sau năm 1975, do những lý do chủ quan và khách quan, một số tổ chức tôn giáo hoạt động không như thời kỳ trước năm 1975, một số lĩnh vực hoạt động bị thu hẹp<sup>8</sup>. Khi đó các hoạt động của các tổ chức tôn giáo phần lớn là thuộc phạm vi nội bộ, ít có hoạt động tôn giáo tương tác, hướng đích xã hội. Tuy nhiên, sau năm 1990, với sự đổi mới của Đảng và Nhà nước, nhiều tổ chức và hoạt động tôn giáo được bình thường hóa, khi đó các hoạt động trở nên chính thức và niềm tin của người dân được công khai. Chủ trương

của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Cũng vì vậy mà số người tự nhận và theo tôn giáo không ngại ngần công khai, tuyên bố niềm tin của mình, một cách mạnh dạn và rõ ràng hơn trước. Hiện trạng này nói lên một thực tế là, nhu cầu tôn giáo trong đại bộ phận quần chúng nhân dân là một thực tế cần phải được tôn trọng. Nó là một trong những quyền chính đáng của con người. Khi được thừa nhận và bảo hộ bởi pháp lý thì trở lên rõ ràng và công khai hơn. Việc này cũng tạo ra những hiệu ứng xã hội tích cực như tạo liên kết chia sẻ trách nhiệm xã hội giữa những nhóm tổ chức tôn giáo khác nhau. Gần đây, Hiến pháp năm 2013 đã đặc biệt nhấn mạnh và khẳng định quyền tự do tôn giáo là quyền chính đáng của con người.

*Thứ ba*, trong xã hội hiện đại, có nhiều mối quan hệ chằng chịt nhưng đồng thời cũng có không ít mối quan hệ bị đổ vỡ, đứt gãy. Khi đó niềm tin tôn giáo vẫn là một điểm tựa cần thiết cho nhiều người. Ở góc độ cá nhân, niềm tin tôn giáo còn để giải quyết nhiều nhu cầu hiện sinh khác, hay trả lời những câu hỏi cơ bản mà đôi khi các khía cạnh vật chất của đời sống hiện đại không giải đáp nổi. Niềm tin tôn giáo tạo ra các cộng đồng luân lý chung và có tính chất đề kháng với những mặt trái của cơ chế thị trường, xuống cấp của đạo đức, cũng như các giá trị thể tục tiêu cực. Đồng thời, nó cũng góp phần cho các tổ chức tôn giáo bảo lưu các giá trị truyền thống của mình trước các thách thức của thời cuộc. Bởi vậy niềm tin tôn giáo vẫn là một giá trị hiện tồn và cần thiết cho nhiều cá nhân cũng như các tổ chức tôn giáo bên cạnh những giá trị thể tục khác. Hay nói cách khác, tôn giáo với các niềm tin vào các đối tượng thiêng khác nhau vẫn có chỗ đứng vững chắc trong xã hội hiện đại của con người.

Muốn hiểu được niềm tin tôn giáo cũng cần quan sát sinh hoạt tôn giáo của các tín đồ, cho dù không ít trường hợp sinh hoạt tôn giáo chưa chắc đã tỷ lệ thuận với chất lượng của niềm tin và luân lý các tôn giáo. Từ khi Việt Nam thực hiện Đổi mới về chính sách tôn giáo (từ 1990), sinh hoạt tôn giáo gia tăng hơn nhiều: “Cuộc khảo

sát xã hội học của Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2 đợt) về đại thể cung cấp con số: Hành vi tôn giáo của một cá nhân là 3,21 ở bộ phận không Kitô giáo; là 2,07 ở bộ phận Kitô giáo (nếu so với Nhật Bản là 1,8 thì ở Việt Nam còn cao hơn)<sup>9</sup>.

Nói tới biến chuyển niềm tin tôn giáo thật thiếu sót nếu chỉ đề cập tới các tôn giáo có tổ chức. Các nhóm cư dân không tự nhận mình thuộc vào một tôn giáo có tổ chức thì niềm tin của họ chuyển đổi như thế nào? Hay nói cách khác, thức cảm thức tôn giáo của họ ra sao? Họ có những cảm nghiệm tâm linh không? Liệu có ai là những người vô thần tuyệt đối? Thực tế cho thấy, đại đa số người Việt Nam theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Tỷ lệ này chiếm hơn 70% dân số. Tuy nhiên, nhìn vào tâm thức tôn giáo của đại đa số cư dân Việt Nam ngày nay so với thời kỳ trước kia, rõ ràng đang có những chuyển biến đáng kể. Thể hiện qua một số khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, quá trình phục hồi gia phả dòng họ, cùng với việc xây dựng từ đường nhà thờ họ nở rộ ở nhiều nơi trên cả nước, biểu hiện một đời sống tâm linh gia tăng, phát triển hơn trước.

*Thứ hai*, đồng thời với nó là quá trình trùng tu tôn tạo, xây sửa mới các cơ sở tôn giáo của chính những cộng đồng cư dân này, như: chùa, đền, miếu, phủ... Tại nhiều làng, cư dân không phải hoàn toàn là Phật tử nhưng cũng đóng góp nhiều sức người và sức của để kiến thiết chùa của làng mình.

*Thứ ba*, là tâm thức của người dân khi về già, hoặc lúc về hưu vẫn thường hướng theo một tôn giáo nào đó. Với đa số người Việt thì tâm thức này thường hướng về Phật giáo. Bởi vậy nếu nói số người có cảm tình với Phật giáo, hay có tâm thức hướng Phật thì con số không chỉ dừng lại ở khoảng 14 triệu tín đồ hiện nay mà có thể lên tới vài chục triệu người. Xin trở lại một nhận định: “Có vẻ như chưa bao giờ, kể từ 1975 đến nay, đạo Phật phát huy vai trò trong không gian xã hội như hiện nay: Số Phật tử tu tại gia (cư sĩ) tăng, đặc biệt là phụ nữ trung lão niên, các cán bộ về hưu “già vui cảnh chùa”, đặc biệt Hội các bà quy y tham gia công tác từ thiện xã hội; xu hướng thế tục hóa, Phật giáo đi vào đời sống thực tại và ngược lại dân chúng

khi “tâm thức tôn giáo quay trở lại”, lại dễ tìm đến Ch�u. Trong các gia đđnh Việ Nam, bên cạnh bàn thờ tổ tiên, không ít bàn thờ Phật. Mặc dù sự gia tăng Phật giáo theo lối bình dân, nhưng ảnh hưởng xã hội lại rất phong thú, khá sâu sắc. Các hội đđan Phật giáo, Gia đđnh Phật tử (trong thanh niên, thiếu niên) có vị trí nhất đđnh trong xã hội. Cũng phải nói thêm rằng, sự “thức tỉnh tôn giáo”, sự phục hồi và phát triển của hệ thống tôn giáo và đđc biệt sự trở lại của tâm thức tôn giáo và tâm linh đã khiến cho đời sống tinh thần của xã hội nước ta những năm gần đây có những thay đđi căn bản”<sup>10</sup>.

*Thứ tư*, là những hiện tượng tôn giáo mới, mê tín, biến tướng, lợi dụng tôn giáo... ngày càng nhiều trong xã hội. Điều này nếu gạt ra các tính chất tiêu cực của nó, ít nhất cũng phản ánh rằng, tâm thức tâm linh tôn giáo của người Việ ta rất nhiều và đa dạng. Tỷ lệ người đi cầu cúng, lễ bái thần linh trong nhân dân rất cao. Nhiều người trong số họ đã quá tin vào một sự siêu nhiên nào đđó mà đã dẫn đến bị lợi dụng, trục lợi làm cho tính tôn giáo thuần khiết bị lệch chuẩn.

Nhìn chung, qua các hiện tượng chung về niềm tin tôn giáo của người Việ Nam từ sau Đđi mới đến nay, có thể đđưa ra vài nhận đđịnh sau:

1) Mđi liên hệ của người dân Việ Nam với các đđối tượng thiêng ngày một gia tăng so với giai đđoạn trước 1990. Sự liên hệ này đa dạng về nội dung, hình thức và các ý nghĩa cũng như cách thức biểu đđạt. Nó cũng phản ánh lại một thực tế là các tôn giáo ở Việ Nam đang trong quá trình chuyển biến mạnh mẽ. Một mặt vừa bảo lưu các giá trị niềm tin truyền thống, mặt khác cũng không ngừng thích ứng hội nhập với các phương tiện khác nhau của đời sống hiện đđại để truyền bá và biểu đđạt niềm tin một cách đa dạng, hiệu quả nhất trong xã hội.

2) Cảm thức, hay tâm tình tôn giáo, tín ngưỡng của người dân Việ Nam ngày càng biểu lộ sinh đđộng trong xã hội qua việc xây đđựng, sửa chữa tu bổ các cơ sở thờ tự, như: nhà thờ, thánh đđường đến các lăng, đđền, miếu, phủ, nghĩa trang... Tuy nhiên, hiện trạng



này cũng đang đặt ra nhiều vấn đề khác nhau về văn hóa, lối sống, sự sùng mộ thần thánh... đòi hỏi sự nghiên cứu cũng như các chính sách quản lý ngày càng phải cập nhật để nắm bắt đúng các diễn biến của hiện thực đời sống tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay.

## **2. Biến đổi niềm tin tôn giáo: Nhìn từ những trường hợp cụ thể**

Ở nội dung này, biến đổi niềm tin tôn giáo sẽ được trình bày qua việc xem xét biến đổi đối tượng thờ cúng (Cái Thiêng), đối tượng thiêng đó có vị trí như thế nào đối với người tin nhận cũng như trong nhận thức của họ, và cuối cùng là sự biến đổi giữa mức độ niềm tin với các thực hành luân lý, đạo đức để giữ gìn cũng như biểu đạt niềm tin đó.

### **2.1. Với Công giáo<sup>11</sup>**

Nhìn chung Kitô giáo và Islam giáo là những tôn giáo có tổ chức chặt chẽ với giáo lý, giáo luật đầy đủ và một nền luân lý lâu đời, nên những đối tượng thiêng của các tôn giáo này luôn được bảo vệ suy tôn và độc tôn. Bởi lẽ tín điều căn cốt của tôn giáo suy cho cùng là cái hầu như không biến đổi so với các thành phần khác trong cấu trúc cấu thành mỗi tôn giáo. Cái phần biến đổi thường chỉ là những cái sửa, còn cốt lõi tín điều vẫn không thay đổi. Khi thay đổi tín điều thường xảy ra những mâu thuẫn, chia cắt, thậm chí phát sinh các tôn giáo mới - thấy rõ điều này trong trường hợp xuất hiện của đạo Tin Lành vào thế kỷ 16. Thần học cũng như giáo huấn Công giáo luôn coi Thiên Chúa là khởi nguyên của vạn vật cũng như con người, bản thân Chúa Giêsu là hiện thân của Đấng hoàn hảo, mẫu hình tuyệt đối của các giá trị Chân, Thiện, Mỹ. Nhận thức này vẫn bao trùm trong nhiều thế kỷ qua đối với Giáo hội. Tuy nhiên, nhận thức của con người sở hữu những niềm tin này thì có thể thay đổi, bởi họ sống trong những không gian văn hóa, hoàn cảnh địa lý, kinh tế, phong tục,... khác nhau.

Trên thực tế hiện nay, dù kinh tế xã hội có nhiều đổi thay so với trước đây, nhưng nhìn chung người Công giáo Việt Nam vẫn có

niềm tin khá bền vững ở chân lý Công giáo, biểu hiện rõ nhất ở việc tin vào những điều Chúa mạc khải. Trước trào lưu tục hóa thì mẫu hình Thiên Chúa vẫn có vị trí quan trọng trong lòng nhiều tín đồ. Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo năm 2013 tại 5 tỉnh Tây Nguyên với 399 phiếu hỏi tín đồ Công giáo, bước đầu cho thấy với Công giáo thì các tín điều cơ bản của tôn giáo này đều được những người trả lời bằng hỏi xác tín với một tỷ lệ cao, như: 98,7% người được hỏi tin là loài người được sinh ra bởi Chúa; Phép Thánh thể (phép Minh Thánh Chúa) để hiệp thông với Chúa được 100% người được hỏi trả lời tin; Có quỷ dữ (94%); Tội tổ tông truyền (97,2%); Cuộc sống trên Thiên Đàng (97,7%); Đức Mẹ hiện ra (97,5%); Có phép lạ (96,2%)...<sup>12</sup>.

Có 92,2% tín đồ Công giáo trong mẫu khảo sát trên địa bàn Tây Nguyên thời điểm khảo sát thường xuyên tham gia học giáo lý. nếp sống đạo này tác động mạnh mẽ đến trẻ em trong gia đình Công giáo. Do đó, 92,7% trẻ em trong gia đình Công giáo tham gia đầy đủ các lớp học giáo lý dành cho lứa tuổi của mình.

Qua mẫu khảo sát cho thấy số tín đồ Công giáo được hỏi trả lời tham gia đi lễ nhà thờ thường xuyên lên đến 97,7%, trong số đó 96,0% vì niềm tin tôn giáo. Việc đọc kinh cầu nguyện thường xuyên tại nhà cũng được tín đồ Công giáo chú trọng, với 86,5%. So sánh với tôn giáo khác: Phật giáo có 82,8% số người được hỏi trả lời là thường xuyên đi lễ chùa, 16,4% là thỉnh thoảng mới đi lễ. Với đạo Tin Lành có 89,6% người được hỏi trả lời là nhóm họp, thờ phượng Chúa hằng tuần, có 10,4% là thỉnh thoảng nhóm họp<sup>13</sup>.

Trong đợt khảo sát năm 2017 của đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*, 299 người Công giáo được hỏi câu ông bà có thực hành theo giáo lý của tôn giáo mình không? Kết quả có 291 người trả lời làm theo giáo lý, chiếm tỷ lệ 97,3%<sup>14</sup>.

Công giáo với tổ chức chặt chẽ, giáo lý nghiêm ngặt đã tạo ra một định tín cơ bản trong việc giữ tín hữu gắn bó với cộng đồng của mình. Một người Công giáo nếu có tuyên bố hay nhận thức sai

lạc với những tín điều mà họ đã tuyên xưng, lập tức họ sẽ bị trước tiên những người thân như cha mẹ, anh em và sau đó là chức sắc cảnh báo. Thêm nữa họ còn bị lương tâm hối thúc, phải đắn đo xem có nên xưng tội hay không. Ngoài gia đình, các thành viên của cộng đồng Công giáo cũng chính là các quan sát viên kiểm soát chính các cá nhân trong cộng đồng của họ, nhất là khi cộng đồng ấy lại gắn chặt giữa luật đạo với họ hàng, và cơ cấu làng Việt truyền thống. Cách nay không lâu, có những vùng Công giáo ở Đồng bằng Bắc Bộ, việc hôn nhân khác đạo vẫn chưa phải thuận lợi vì không phải được tất cả các thành viên gia đình và cộng đồng chấp nhận. Nếu không có sự đồng ý của linh mục, đó là hôn nhân bất thành sự, gia đình có làm mâm cao cỗ đầy cũng ít người tới dự, trừ những người thân thích. Điều đó có nghĩa họ bị chính cộng đồng tẩy chay, và đó cũng chính là một thiết chế có tính chất kiểm soát cao với các cuộc hôn nhân khác đạo, mà theo quan điểm của nhiều người, những hôn nhân đó dễ đẩy tới viễn cảnh người Công giáo bị mất truyền thống, phai nhạt hay biến đổi niềm tin với những tín điều của chính tôn giáo mình.

Tuy nhiên, dù có tổ chức tốt, nhưng trước sự lên ngôi của các giá trị thế tục, Giáo hội Công giáo xem ra cũng không tạo ra sự kiểm soát, hay một thiết chế hoàn hảo để giữ vững niềm tin của người tín đồ. Niềm tin vẫn có thể biến đổi trước bối cảnh của thời cuộc. Tình trạng khô đạo, nhạt đạo vẫn luôn xảy ra cả ở trong quá khứ lẫn hiện tại. Điểm khác giữa hôm nay và hôm qua là tình trạng này diễn ra mạnh hay nhẹ và Giáo hội nhìn nhận về mức độ nguy cơ của nó với tôn giáo của mình như thế nào. Khô đạo, nhạt đạo là một thuật ngữ có tính chất dân gian để nói về tình trạng cá nhân hoặc một tập thể tôn giáo nào đó không còn hăng say hoặc giữ vững niềm tin của mình vào đối tượng thiêng của mình kèm theo đó là các thực hành tôn giáo tương ứng để biểu đạt niềm tin đó.

Khô đạo, nhạt đạo còn là việc loại bỏ, hoặc suy giảm tầm trọng ảnh hưởng của Thiên Chúa ra khỏi hoạt động thường nhật của người tín đồ. Xưa kia, khi vấn đề quyền con người chưa được tuyên

truyền rộng rãi do công nghệ thông tin chưa phát triển, dường như người giáo dân sống trong một môi trường Kitô giáo với các khuôn mẫu thuần nhất. Khi ấy người ta ít nói đến tự do lương tâm và quyền lựa chọn các giá trị luân lý bên ngoài Kitô giáo<sup>15</sup>. Khi ấy sống đạo gắn liền với giữ đạo, bởi vậy đã có nhiều thánh tử đạo trong quá khứ. Tất nhiên, việc này còn có nguyên nhân trực tiếp từ việc hạn chế tôn giáo của các thể chế chính trị khác nhau, nhưng cũng nói lên rằng tinh thần giữ đạo, bảo vệ niềm tin là một giá trị rất được đề cao trong quá khứ. Sống đạo gắn với việc duy trì các khuôn mẫu đức tin cũng như sinh hoạt đạo của chính Công giáo. Trong các kết cấu làng xã bền chặt bởi niềm tin và tình thân tộc, người giáo dân cũng rất khó thoát ra khỏi cái khung cảnh văn hóa tôn giáo đậm đặc và có tính chất thuần nhất như vậy. Nhưng rồi những bước tiến của khoa học kỹ thuật cũng như trào lưu thế tục hóa, việc quy chiếu đời sống về với Thiên Chúa mất dần chỗ đứng. J. Baubérot nhận xét: “Trước kia Thiên Chúa là niềm tin chắc chắn trong xã hội, thì nay trở thành niềm xác tín riêng tư của cá nhân”<sup>16</sup>. Ông cho rằng: Quyết định tin hay không tin, theo chính thức là tùy thuộc vào sở thích lựa chọn cá nhân. Tại Pháp cũng như trong bất cứ xã hội tự do nào, sự cạnh tranh trở thành quy luật và các thị hiếu gọi là tôn giáo thay thế thì nhan nhản trên thị trường, như: tôn thờ sức khỏe, tôn thờ mức sống, đam mê thể thao, hăng say đấu tranh chính trị...<sup>17</sup>. Việc loại bỏ tầm quan trọng của Thiên Chúa dẫn đến một số người Công giáo không còn giữ vững các giá trị luân lý của tôn giáo mình, một số chuyển sang niềm tin khác. Bởi vậy quan điểm của Giáo hội Công giáo Việt Nam ngày nay trong công cuộc tân Phúc Âm hóa của Giáo hội đặc biệt chú trọng tới đối tượng khô đạo, nhạt đạo này bên cạnh việc truyền giáo cho những người chưa tin vào Thiên Chúa.

Bên cạnh sự suy giảm tính thiêng cũng chính là vai trò của Thiên Chúa với đời sống cá nhân. Sự khô đạo, nhạt đạo còn thấy rõ trên phương diện hình thức. Điều này thường xảy ra ở những tín đồ trẻ. Tại một vài nơi, số tín đồ trẻ đi lễ cũng suy giảm nghiêm trọng, một

số đi theo truyền thống gia đình, làm vui lòng cha mẹ chứ không từ tâm tình bên trong. Một tác giả là tu sĩ Công giáo mô tả về hiện trạng phai đạo nhạt đạo như sau: “Nhiều bạn trẻ ngày nay sống đức tin rất hời hợt. Có dịp tiếp xúc với các bạn trẻ đang học lớp giáo lý hôn nhân, thật ngỡ ngàng về một số đông không biết gì về giáo lý căn bản, ngay cả những kinh đọc hằng ngày họ cũng không thuộc. Họ mang danh nghĩa là đạo gốc nhưng dường như họ theo đạo chủ yếu làm cho cha mẹ vui lòng, không ý thức mình là người Kitô hữu. Một bạn trẻ nói: “Những việc như đi nhà thờ, đọc kinh và cầu nguyện chỉ là do thói quen, cũng như do áp lực của những người thân”. Như vậy, hơn bao giờ hết, ngày nay, đức tin của giới trẻ chúng ta đang xuống dốc trầm trọng. Ở một vài giáo xứ, số lượng người trẻ đi học giáo lý ngày càng ít đi. Và người ta không còn thấy bóng dáng bạn trẻ đi tham dự Thánh lễ hằng tuần. Và nếu có đi, thì ghé ngồi của họ là “xe ôm”, hoặc tụ tập thành nhóm đứng ngoài lề trò chuyện, hút thuốc cho qua giờ lễ... Một người mẹ chia sẻ: “Mỗi lần tôi nhắc nhở đưa con trai đi tham dự Thánh lễ, nó trả lời rằng: “Thời đại này, đến nhà thờ làm gì hả mẹ? Chỉ cần mình tin có Chúa là đủ. Mẹ thử nghĩ xem, mấy đứa bạn con có đi lễ đâu mà nhà nó vẫn giàu có đấy thôi”<sup>18</sup>.

Nguyên nhân của tình trạng khô đạo, nhạt đạo được tập trung vào một số nguyên nhân sau:

*Thứ nhất*, bản thân giới trẻ ngày nay sống trong một thế giới đa dạng nhận thức và các nguồn thông tin mở. Có thể bản thân họ nhận thấy Công giáo không phải là một hệ giá trị duy nhất cung cấp cho con người sự cứu rỗi cũng như các động lực của cuộc sống và cách hiểu biết thế giới, nhân sinh. Bên cạnh đó còn có những giá trị khác, những chủ thuyết khác có sức hấp dẫn không kém với giới trẻ. Giáo hội luôn cảnh báo về những nguy cơ của hiện tượng tục hóa có thể cuốn hút giới trẻ đánh mất đi tính chất tôn giáo trong con người mình, như: chủ nghĩa hưởng thụ, đề cao vật chất; thuyết tương đối hay sự hoài nghi đối với cái thiêng, v.v...

*Thứ hai*, trong bản thân bộn bề công việc của các gia đình, họ luôn bị mâu thuẫn giữa mưu sinh và giữ gìn bản sắc tôn giáo của mình. Rõ ràng việc dạy dỗ các truyền thống tôn giáo đã bị suy giảm đi ở nhiều gia đình Công giáo Việt Nam so với mấy chục năm trước. Chẳng hạn, có nhiều gia đình không còn dạy giáo lý từ ông bà cha mẹ cho trẻ con, hay việc đọc kinh sớm, tối cũng ít được coi trọng. Trong một khung cảnh mà sức hút của truyền thống gia đình Công giáo không còn, lại thêm sự tự do cá nhân, bận rộn của các thành viên trong sinh kế và công việc, đã khiến việc truyền thụ các giá trị Công giáo bị sao nhãng giữa các thế hệ.

*Thứ ba*, như trên đã đề cập, bản thân việc giảng dạy giáo lý ở nhà thờ cũng như các nghi thức phụng vụ từ thời gian cho đến bài giảng cũng còn ít sáng tạo, nề quy tắc, không tạo được sự cuốn hút, sốt sắng của giới trẻ tới sinh hoạt. Khi người ta đến sinh hoạt như một nghĩa vụ thì phải chăng các yếu tố thiêng của tôn giáo đã giảm đi với chính họ? Và họ không còn thấy cuốn hút cho dù nhà thờ là nơi hiện diện của Thiên Chúa, ngôi nhà của Chúa.

Tuy nhiên, những điều nêu trên chỉ là một xu hướng trong chuyển đổi niềm tin của người Công giáo. Thực tế vấn đề phai nhạt mối quan hệ của con người với Đấng thiêng có lẽ không chỉ riêng với người Công giáo, mà với cả các tôn giáo khác. Bởi những tác động của ngoại cảnh như khoa học, kỹ thuật và thế tục hóa đều có tính chất thời đại, không chỉ ảnh hưởng riêng đối với một tôn giáo nào. Điều khác nhau là những ảnh hưởng đó tạo ra hiệu ứng khác nhau ở từng tôn giáo. Điều này là do mỗi tổ chức tôn giáo có các thiết chế và cách thức để duy trì niềm tin với mỗi tín đồ khác nhau. Có một thực tế là người Công giáo dù có khô đạo, nhạt đạo nhưng cũng ít khi đổi đạo, cải đạo sang một tôn giáo khác. Đây là điểm khác biệt so với tín ngưỡng truyền thống, cũng như một số hệ phái Tin Lành<sup>19</sup>.

## **2.2. Với Tin Lành, Phật giáo, Islam giáo**

Như trên đã trình bày, đề tài này không có điều kiện khảo sát xã hội học với niềm tin của tín đồ các tôn giáo, ở đây chúng tôi sử

dụng dữ liệu của một cuộc khảo sát của Tây Nguyên năm 2013 với Công giáo, đạo Tin Lành. Cuộc khảo sát đưa ra một số con số như sau:

Phần lớn số tín đồ Tin Lành trong mẫu khảo sát được hỏi ở địa bàn Tây Nguyên khẳng định có niềm tin sâu sắc vào những điều cơ bản của tôn giáo này: 99,0% tin Chúa Trời là Đấng Toàn năng tạo dựng nên vũ trụ và loài người; 97,1% tin có Thiên Đường và Hỏa Ngục; 83,3% tin ma quỷ có thật và vẫn hiện hữu hằng ngày; 93,0% tin Chúa tái lâm và có dấu hiệu ngày đó đang đến gần; 64,85% tin các phép lạ vẫn xảy ra hàng ngày; 95,0% tin Kinh Thánh được hạ bởi Chúa Trời và không thể sai lầm.

Đa số tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên tham gia đầy đủ hoạt động tôn giáo. Riêng việc đóng góp 1/10 thu nhập chưa được tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên thực hiện đầy đủ, có lẽ do đây là vùng tín đồ dân tộc thiểu số (DTTS) còn nhiều khó khăn nên nhiều chi hội Tin Lành chưa áp dụng triệt để quy định này.

Tín đồ Tin Lành có thể không hiểu sâu về giáo lý ở góc độ thần học, nhất là ở những khu vực mới có nhiều người theo đạo. Dù vậy đa số vẫn giữ những nguyên tắc cơ bản về sinh hoạt tôn giáo và các quy định luân lý của tôn giáo mình. Chẳng hạn họ không thờ đa thần, chỉ trung tín duy nhất với Thiên Chúa của họ. Họ cũng đọc và tìm hiểu kinh thánh hằng ngày và đều đặn, và đem những điều mình hiểu qua lời dạy của Kinh Thánh và giảng giải của chức sắc áp dụng vào sinh hoạt và cả những cách nghĩ trong công việc. Nhìn chung với nhiều dân tộc thiểu số theo Tin Lành, đạo Tin Lành đã tạo ra cho họ chuyển đổi đáng kể về lối sống, tiếp nhận một dạng thức sinh hoạt văn hóa tôn giáo khác với tôn giáo và văn hóa truyền thống của mình. Người theo Tin Lành lâu năm cũng ít chuyển đổi về tín ngưỡng truyền thống, hoặc theo các tôn giáo khác như Công giáo, Phật giáo, dù vậy họ có thể chuyển từ hệ phái này sang hệ phái khác. Nhìn chung, niềm tin tôn giáo của người Tin Lành tương đối ổn định và thuần nhất quy hướng về Thiên Chúa.



Theo cuộc khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo năm 2017, trong 267 người theo Tin Lành được hỏi “Khi thực hiện những hoạt động tôn giáo tại nhà, ông bà có làm theo giáo lý không?” thì có tới 251 người trả lời là có làm theo giáo lý Tin Lành, chiếm tỷ lệ 94% người được hỏi<sup>20</sup>.

Cuộc khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tại Tây Nguyên năm 2013 đối với Phật giáo (Bắc Tông), có 82,3% tín đồ Phật giáo được hỏi cho rằng Phật là bậc giác ngộ; 72,5% cho rằng Phật là bậc cứu khổ cứu nạn. Ngoài ra, niềm tin của Phật tử ở Tây Nguyên thể hiện qua mục đích đúng đắn dẫn đến với Phật giáo. Mong muốn lớn nhất của bộ phận các dân tộc ở Tây Nguyên theo Phật giáo là hoàn thiện đạo đức bản thân. Điều này thể hiện giá trị đạo đức Phật giáo đang ngày càng tác động tích cực sâu rộng trong đời sống xã hội. Theo khảo sát, mục đích mang tính thực dụng như cầu tài, cầu lộc, được ít tín đồ Phật giáo lựa chọn. Đa số tín đồ Phật giáo ở Tây Nguyên nhận thức đúng về Phật: là bậc giác ngộ, là bậc cứu khổ cứu nạn. Nghe giảng pháp cũng là một trong những hoạt động chính của tín đồ Phật giáo ở Tây Nguyên. Điều này góp phần khẳng định niềm tin sâu sắc và đúng đắn của tín đồ Phật giáo. Hầu hết Phật tử ở Tây Nguyên tham gia hoạt động này, trong đó 71,7% thường xuyên tham dự<sup>21</sup>.

Theo cuộc khảo sát của Viện Nghiên cứu tôn giáo năm 2017 với tín đồ Phật giáo (Bắc Tông), với câu hỏi “Khi thực hiện những hoạt động tôn giáo tại nhà, ông bà có làm theo giáo lý không?”, kết quả 277/315 người trả lời thực hành theo giáo lý, chiếm 87,9%<sup>22</sup>.

Nhìn chung, với những Phật tử được hỏi, đa số họ cũng có một hiểu biết tương đối cơ bản về tôn giáo của mình. Tuy nhiên, trong quá trình truyền bá và phát triển ở Việt Nam, Phật giáo đã hỗn dung với tín ngưỡng truyền thống như thờ mẫu, thờ thần, thánh... do đó Phật tử tuy có hiểu biết về giáo lý cơ bản, nhưng không ít người bản thân họ vẫn ít nhiều mang tâm thức đa thần, không tuyệt đối chỉ tin tưởng vào một Đấng thiêng duy nhất như trường hợp Islam giáo hay Tin Lành. Có thể đây cũng là nguyên nhân làm cho



một vài lễ hội, sinh hoạt của một số Phật tử bị sai lệch, như: đốt quá nhiều vàng mã, mê tín, v.v...

Với trường hợp Islam giáo, kết quả khảo sát xã hội học của đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay* năm 2017 cũng cho thấy tín đồ Islam rất tuân thủ các lễ cầu nguyện trong ngày. Có trên 93% người được hỏi thực hành đầy đủ 5 lễ cầu nguyện trong ngày theo quy định của tôn giáo mình. Việc cầu nguyện có thể diễn ra tại thánh đường hoặc nhà riêng. Người không thực hiện đủ 5 lễ cầu nguyện thường do những trở ngại như ốm đau, nhập viện, hoặc di chuyển đi xa<sup>23</sup>.

Cũng từ kết quả khảo sát năm 2017 kể trên với tín đồ Islam, 57/57 người (100%) thực hành theo kinh Qu'ran<sup>24</sup>.

Nhìn chung, tín đồ Islam có một sự tuyên xưng mạnh mẽ đức tin với Thượng đế Allah. Họ tuyệt đối tuân thủ các thực hành theo Thiên kinh Qu'ran. Có lẽ người Chăm theo Islam giáo ở Việt Nam rất hiếm trường hợp từ bỏ tôn giáo của mình qua kết hôn. Ngược lại, đã số người ngoài kết hôn với người Chăm theo Islam giáo đều phải gia nhập tôn giáo của họ.

Tuy nhiên, cũng không ngoại lệ, dù có kết cấu chặt giữa tính dân tộc và tính tôn giáo, nhưng ở một vài thánh đường vẫn có những trường hợp thanh niên Islam không thường xuyên đến thánh đường cầu nguyện vào những ngày lễ trọng. Một số lao động ở các doanh nghiệp cũng không bảo đảm được giờ lễ do hoàn cảnh buộc họ phải vậy<sup>25</sup>. Dù là một tôn giáo rất chặt chẽ, rõ ràng vẫn có những thành phần liệT vào danh sách “khô đạo, nhạt đạo”.

### **3. Một số xu hướng biến đổi niềm tin tôn giáo hiện nay**

Như trên đã trình bày, mối quan hệ giữa con người với đối tượng thiêng được biểu hiện cơ bản nhất qua niềm tin tôn giáo. Niềm tin được diễn đạt qua thực hành tôn giáo và sự áp dụng các giá trị niềm tin vào các hoạt động sống. Như vậy, có thể nói niềm tin gắn chặt với tính chủ thể - tức tín đồ. Nội dung này sẽ trình bày một số xu hướng biến đổi niềm tin nhìn từ góc độ của chủ thể - tín đồ. Tuy

nhiên, chúng tôi chỉ nêu một vài xu hướng cơ bản. Bởi vậy có những xu hướng chúng tôi không đề cập trong phần viết này.

### ***3.1. Xu hướng chuyển đổi niềm tin tôn giáo***

Xu hướng này nói tới việc cải đạo của người tín đồ. Họ đang tin thờ một đối tượng thiêng này thì lại từ bỏ niềm tin đó chuyển sang tin thờ một đối tượng thiêng khác. Việc chuyển đổi niềm tin tôn giáo này thường kéo theo nhiều thay đổi trong các sinh hoạt tôn giáo, kèm theo đó là các hành vi đạo đức và lối sống cũng biến đổi theo. Những biến đổi về vũ trụ quan và nhân sinh quan mới của người tín đồ được quy chiếu bởi đối tượng thiêng mà người tín đồ vừa tin nhận. Nó cũng bị quy định bởi các truyền thống tôn giáo mà người cải đạo tin theo. Xu hướng này ai cũng thấy rõ qua các trường hợp điển hình được trình bày dưới đây.

Người Mông, người Dao và một số dân tộc thiểu số khác từ bỏ tín ngưỡng truyền thống của mình để chuyển sang theo Công giáo, đặc biệt là theo đạo Tin Lành. Trường hợp này cũng không ngoại lệ với người Kinh, nhiều người cũng từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo đạo Tin Lành, hoặc Công giáo.

Một số người từ hệ phái Tin Lành này chuyển sang hệ phái Tin Lành khác, thực chất họ vẫn tin nhận Chúa, nhưng chuyển đổi về tổ chức và một số cách thức sinh hoạt.

Hiện tượng người Chăm Bà ni chuyển sang thực hành tôn giáo theo Islam<sup>26</sup>.

Một số người Kinh theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên khi về già hoặc lúc nghỉ hưu quy y theo Phật giáo, trở thành Phật tử. Trường hợp này không phải từ bỏ tín ngưỡng truyền thống mà họ vừa cúng ông bà tổ tiên, đồng thời vừa là Phật tử<sup>27</sup>.

Một số cuộc hôn nhân của người Kinh với người Chăm theo Islam, hoặc người Kinh với người theo Công giáo, hoặc đạo Tin Lành buộc họ phải gia nhập tôn giáo của vợ (hoặc chồng) và chấp nhận tham gia vào thực hành tôn giáo của một tôn giáo khác. Dù chuyển đổi niềm tin, thực hành nghi thức tôn giáo mới, nhưng xem

ra chỉ có người Islam là giữ được những tín đồ mới nhập đạo này một cách bền chặt do quy định về đặc tính dân tộc và tôn giáo của họ<sup>28</sup>. Tín đồ Islam có lẽ là thành phần ít chuyển đổi tôn giáo nhất. Riêng trường hợp Công giáo và đạo Tin Lành, nhiều người tuy vẫn mang danh tín đồ nhưng thực chất trong họ vẫn tồn tại những niềm tin song song (tức vẫn có tâm thức thờ cúng tổ tiên, thần, Phật... nhưng vẫn là tín đồ của các tôn giáo này). Cũng có thể nói họ là người đa nguyên niềm tin tôn giáo. Một số trường hợp dù ghi danh là tín đồ tôn giáo cụ thể (qua hôn nhân) nhưng do tâm thức đa nguyên họ vẫn hướng tới các niềm tin tôn giáo khác ngoài những gì đã tuyên xưng, nhiều trường hợp thành khô đạo, nhạt đạo, thậm chí bỏ đạo.

Sự cải biến, pha trộn và tích hợp một số niềm tin để tạo ra một hệ thống niềm tin mới, dẫn đến sự hình thành các hiện tôn giáo mới rất phổ biến ở Việt Nam từ sau 1990 đến nay.

Xu hướng chuyển đổi niềm tin tôn giáo nói lên một thực trạng về sự đa dạng tôn giáo, về sự cạnh tranh truyền giáo giữa các tổ chức tôn giáo khác nhau. Khi đó tạo ra các khu vực hay thị trường tôn giáo mà ở đó mỗi tôn giáo đều muốn truyền bá niềm tin của mình cho những người chưa tin nhận chân lý tôn giáo của họ. Đồng thời, xu hướng chuyển đổi niềm tin tôn giáo cũng phản ánh nhu cầu tôn giáo của con người có tính chất tùy thuộc điều kiện và không bất biến, nó có thể thích ứng hay chuyển đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Nó cũng phản ánh một thực tế là nhiều cấu trúc và triết lý của các tôn giáo lâu đời không phải lúc nào cũng cung cấp cho một số người những triết lý phù hợp và cần thiết cho cuộc sống và tinh thần của họ trong những bối cảnh mới đang đổi thay mạnh mẽ. Bởi vậy, họ chuyển đổi sang những niềm tin mới với những biểu đạt tín lý và thực hành đạo đức, lối sống tôn giáo phù hợp hơn. Thông thường một số tôn giáo trong quá trình truyền giáo đã chú ý tới việc quảng bá một lối sống, một nền đạo đức luân lý mới trước khi giới thiệu các giá trị chân lý hay thần học sâu xa của tôn giáo mình. Khi một lối sống mới, bầu văn hóa mới qua các hình thức thực hành thờ

phương mới đem lại những giá trị không chỉ tâm linh mà còn các giá trị đời thực, nó ít nhiều tạo ra sức lôi cuốn các cá nhân hoặc các nhóm người khác nhau cải đạo, hoặc gia nhập một tổ chức tôn giáo nào đó với tư cách là một thành viên mới.

### ***3.2. Xu hướng vẫn giữ niềm tin nhưng không đồng nhất với sinh hoạt đạo***

Thông thường, người ta chỉ biết được một người tín đồ với tư cách là chủ thể niềm tin vào Đấng thiêng qua các hành vi tôn giáo của họ. Tức các sinh hoạt càng dày đặc, tuân thủ nghiêm ngặt, chặt chẽ theo quy định của tổ chức tôn giáo thì có nghĩa là người đó đang sở hữu một niềm tin vào đối tượng thiêng sâu sắc. Về logic, điều này vẫn đúng trong bối cảnh ngày nay, với nhiều tôn giáo, như Islam giáo, đạo Tin Lành, Công giáo... là những tôn giáo của nghi lễ và sinh hoạt rất chặt chẽ. Tuy nhiên, bên cạnh những liên hệ phổ biến có tính chất tỷ lệ thuận giữa niềm tin và thực hành này, đã có những xu hướng là vẫn giữ niềm tin vào đối tượng tôn thờ của mình nhưng việc đó không nhất thiết lại gắn với một sinh hoạt đạo quá quy củ, nề nếp và tuân tự. Xu hướng này không phải được ưu tiên cổ súy của các tôn giáo có thiết chế chặt chẽ mà nó xuất phát từ bối cảnh tục hóa ngày càng mạnh. Tính hiện đại, gia tăng các liên hệ và các mối quan tâm của mỗi cá nhân, khiến con người bận với nhiều công việc. Khi đó sự tự do của người tín đồ có xu hướng muốn đi tìm một cách diễn tả hay thể hiện niềm tin không quá quy tắc và lệ luật nhưng vẫn đúng và phù hợp nhất với hoàn cảnh của họ. Họ tin rằng, hành vi của họ vẫn không sai lạc với quy định của giáo hội, nhưng vẫn có một phương cách để thể hiện niềm tin hay sống đời sống đạo sát nhất với ý nghĩa hay giá trị tôn giáo mà họ theo đuổi. Có thể nhìn một chút hiện tượng này qua trường hợp Công giáo.

Trong một cuộc điều tra quy mô ở Pháp năm 1999 về những giá trị Pháp đặt trong tương quan với cuộc điều tra trước đó vào năm 1981, mặc dù là một nước theo thể chế thể tục trung tính ở Châu Âu, với tỷ lệ thực hành tôn giáo hay tham gia các hoạt động của tổ

chức tôn giáo rất thấp. Chẳng hạn năm 1981 chỉ có 3,9% người Pháp được hỏi tham gia các hoạt động của tổ chức tôn giáo hay của giáo xứ. Tỷ lệ này ở năm 1999 là 4,2%. Tỷ lệ người được hỏi trả lời rằng họ thực hành một thánh/lần ở thời điểm năm 1981 là 18% và năm 1999 là 12%. Riêng đối với người trẻ từ 18-29 tuổi tỷ lệ thực hành còn thấp hơn, 11% năm 1981 và 5% năm 1999. Tuy nhiên, với câu hỏi “Bạn có tin vào Chúa không”? Kết quả cho thấy: 62% những người được hỏi tin vào Chúa (năm 1981) và 56 % những người được hỏi năm 1999 tin vào Chúa. Tỷ lệ những người tin vào Chúa thấp hơn ở những người trẻ từ 18-29 tuổi, với kết quả là 46% người trẻ tin vào Chúa ở năm 1981 và 48% năm 1999<sup>29</sup>. Con số này cho thấy giữa việc tin vào Chân lý (Thiên Chúa) với việc diễn tả niềm tin rõ ràng có sự chênh lệch. Đó cũng chính là việc chuyển đổi các giá trị tôn giáo trong bối cảnh thế tục hóa ở châu Âu. Tôn giáo dường như là việc gắn với cá nhân. Người ta có thể tin vào một Thiên Chúa hay chân lý của một tôn giáo nhưng không nhất thiết gắn với các thể chế hay những nghi thức thực hành tôn giáo đó một cách thường xuyên, liên tục.

Ở Việt Nam có ý kiến cho rằng, *Công giáo là đạo sinh hoạt*<sup>30</sup>, nghĩa là nặng về hình thức thờ phụng theo các niên lịch phụng tự quanh năm của riêng Giáo hội. Từ một cách sống đạo nặng về hình thức như vậy, không ít người đồng nhất niềm tin với việc siêng năng đi lễ. Trong suy nghĩ của nhiều người, hễ ai chăm đi lễ là người có niềm tin sâu sắc. Điều này không sai, bởi niềm tin chỉ biểu lộ qua các thực hành và bí tích. Khi ấy niềm tin cá nhân gắn chặt với thiết chế giáo hội, tức một cá nhân rời khỏi sự khu trú của xứ, họ đạo (những hiện hữu vật chất cụ thể của giáo hội nơi trần thế) thì người ta rất khó đoán biết được niềm tin của anh ta thế nào, bởi anh ta ít có những sinh hoạt với cộng đồng cùng chung niềm tin.

Nhưng vấn đề đặt ra là liệu những người sốt sắng đi lễ kia đã có một niềm tin trưởng thành? Trong khi không ít người không thường xuyên đi lễ nhưng lại có một hành xử tương tác với cuộc sống đúng

tin thần Kitô giáo hơn cả những người siêng năng nguyện ngắm. Họ bộc lộ “chất Công giáo” của mình ngay trong đời thực, qua tương tác với con người thực và những hành động thực, có thể họ bận rộn với các việc kinh doanh, làm ăn khác nhau và thời gian đi nhà thờ đôi khi không chu toàn, nhưng họ vẫn có niềm tin mãnh liệt vào Thiên Chúa. Đó chính là điều mà chúng ta thấy xuất hiện nhiều trong xã hội hiện nay, một dạng niềm tin trưởng thành, không nề luật mà tính Công giáo vẫn hiện hữu trong các hành vi cá nhân một cách đậm nét ở các hành vi ngoài không gian tôn giáo.

Tình huống này thường xuất hiện ở một số những tầng lớp trí thức, doanh nhân Công giáo trong xã hội, những tầng lớp mới nổi mà khi các cơ chế thị trường làm cho họ bận rộn hơn với công việc, nó chiếm khá nhiều thời gian của việc sinh hoạt tôn giáo. Họ đang sống niềm tin tôn giáo của mình trong bề bộn công việc của cuộc sống thường nhật. Họ cố gắng trung thành với Tin Mừng như thừa đầu khi họ chưa bận rộn bằng cách xác lập các ứng xử luân lý Công giáo trong các mối quan hệ của họ với mọi người. Rõ ràng với họ, có một khoảng cách nhất định giữa niềm tin với quy định của Giáo hội. Họ không rời bỏ niềm tin nhưng qua hành động và cách nghĩ cho biết mối tương quan của họ với Thiên Chúa không nhất thiết cần đến giáo hội hay cộng đồng kiểm chứng. Họ có một cảm nghiệm mạnh mẽ với Đấng thiêng mà không cần qua các cơ chế có tính chất mô phạm, thậm chí nặng nề của giáo hội.

Tình huống trên xảy ra với các cá nhân tín đồ ở chứ không xảy ra với chức sắc, những người có chức năng chuyên lo việc tư tế. Giáo hội có thể lên án những hình thức niềm tin kiểu này là một dạng đơn độc cho dù nó có mang tính chất Kitô giáo đi nữa. Dù gì thì Giáo hội vẫn muốn niềm tin của cá nhân phải qua các khuôn mẫu của Giáo hội, tức không thể thiếu chiều kích bí tích, cộng đoàn, thiếu các chiều kích này khó thể gọi danh xưng niềm tin Kitô giáo.

Niềm tin không gắn chặt với sinh hoạt của Giáo hội, mà nó quy thuộc chiều kích cá nhân nhiều hơn chiều kích cộng đoàn còn xuất

hiện ở các nhóm di dân như đã phân tích ở phần trên. Khi đó những nơi mà người Công giáo di dân đến các vùng mới, thiếu các không gian để họ sinh hoạt tôn giáo tập trung, như thiếu linh mục thăm viếng, thiếu các nhà thờ... Tình trạng này thấy ở nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khi mà các chủ đầu tư vẫn chưa tính hết các tình huống tâm linh đa dạng trong nhiều nguồn lao động mà họ tuyển chọn. Với một số trường hợp, như đạo Tin Lành, thì có thể có những nơi cầu nguyện chung cho công nhân theo tôn giáo này đã được các chủ doanh nghiệp cũng là tín đồ của tôn giáo này chú ý. Riêng với Công giáo biểu hiện niềm tin của tín đồ chỉ còn bằng cách tìm những nhà thờ gần nhất để sinh hoạt đạo. Cũng có nơi không có nhà thờ, niềm tin tôn giáo của các tín đồ được biểu lộ qua các buổi cầu nguyện hay sinh hoạt nhóm nhỏ ở các tư gia hoặc của từng cá nhân. Tức niềm tin vẫn là một nhu cầu nhưng trong tình huống này, nó đã không đồng nhất với sinh hoạt đạo.

Nguyên nhân của tình trạng trên ngoài yếu tố di dân, phân tầng xã hội còn do hiện tượng tục hóa, tức dẫn đến suy giảm cái thiêng, đề cao các giá trị văn hóa thế tục hơn các truyền thống tôn giáo. Tục hóa làm suy giảm sức mạnh của thể chế Công giáo, thậm chí làm phai mờ các yếu tố bản sắc, căn tính. Khi ấy một số cảm thấy Giáo hội, các chiều kích cộng đoàn, các lời giao răn không còn sức hút với họ. Thay vì thế, họ chú ý nhiều tới chiều kích cá nhân, sống đạo giữa đời mạnh hơn là sống đạo theo thói quen thể chế. Có một nhận xét: Khi mất đi phạm vi xã hội, từ nay Giáo hội nhấn mạnh đến sự quyết định của mỗi cá nhân. Người Kitô hữu phải biết nói lên niềm tin của mình và bày tỏ nét độc đáo của Tin Mừng giữa lòng một trần thế thờ ơ. Niềm tin trở nên một hành vi tự tại thể hiện, là một chứng từ do tôi tự viết, chứ không phải một nhãn hiệu linh nhận qua truyền thống của gia đình hay do sự áp đặt của xã hội. Theo nhãn giới này, thì hàng giáo sĩ không còn ảnh hưởng nhiều đến các sự kiện xã hội và mất đi địa vị độc tôn của họ. Trong khi đó, người giáo dân tìm được chỗ đứng tốt hơn qua việc hội nhập cuộc sống của họ giữa lòng xã hội mới mẻ này<sup>31</sup>. Mặt khác

tình trạng trên còn do sự biến đổi không gian và cấu trúc tôn giáo. Ví dụ, một nhà thờ nơi thành thị quá chật hẹp, người ta phải quá chú tâm xếp hàng và tìm giờ đi lễ phù hợp cũng có thể làm giảm đi sự hiện diện của những người Công giáo năng động và thành đạt.

### 3.3. Xu hướng đặt niềm tin tôn giáo trong những mục tiêu thế tục

Xu hướng này thể hiện ở hai khía cạnh chủ đạo là: Hướng đích của niềm tin tôn giáo không chỉ dừng lại chủ yếu ở việc mong chờ cuộc đời sống đời sau mà ngày nay nó có xu hướng thiên về hiệu ứng trong đời sống thực. Và niềm tin tôn giáo không chỉ là sùng mộ, tin yêu, hiến dâng tự nguyện, đôi khi nó mang theo nhiều tâm tư có tính chất điều kiện của những cá nhân khi bày tỏ niềm tin với đối tượng thiêng mà họ thờ cúng. Hiện tượng này thấy rõ qua việc đi lễ cầu may, cầu tài, cầu lộc hàng năm của nhiều người Việt.

Ngày nay người tín đồ ngoài việc tin vào các Đấng thiêng giải thoát họ khỏi tội lỗi, đau khổ và cái chết sau khi xa lìa cuộc sống, họ còn mong Đấng thiêng hiện hữu và giúp họ trong các vấn đề đời thực. Điều đó có nghĩa là niềm tin trở lên thực tế hơn, hướng vào hiện thực trước tiên sau đó mới chú ý tới các chức năng của tôn giáo sau khi chết. Tức niềm tin của một số tín đồ tôn giáo không chỉ thể hiện chức năng với cuộc sống đời sau, mà có xu hướng mang tính chất *dịch vụ* nhằm phục vụ nhu cầu thực của con người. Đó là những niềm tin trông đợi sự ban ơn của đối tượng thiêng nhưng kèm theo các điều kiện của người tín đồ. Theo kết quả khảo sát của đề tài thì niềm tin của người Công giáo cũng liên quan mật thiết tới các vấn đề an sinh và đời sống. Kết quả khảo sát của đề tài “Biến đổi Công giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay” năm 2018 qua 269 người được hỏi và có trả lời về câu hỏi: *Ông bà thấy được lợi ích gì cho bản thân từ khi gia nhập đạo?* cho thấy: các lợi ích về cuộc sống sau khi chết chiếm tỷ lệ không phải cao nhất so với các ích lợi của đời sống hiện thực. Cụ thể, có 240/269 người cho rằng được lợi về bình an trong tâm hồn; 189/269 người thấy được giúp đỡ chia sẻ về tinh thần khi theo đạo, trong khi số người được trả lời được an tâm về cuộc sống sau khi



chết là 159/269<sup>32</sup>. Tất nhiên những nhu cầu đòi sống hiện thực của tín hữu Công giáo trong tình huống này cũng hàm chứa các giá trị luân lý tôn giáo phổ biến.

Một thực tế khi đi công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Tây Nam Bộ, chúng tôi thấy hình ảnh Linh mục Phanxicô Xaviê Trương Bửu Diệp được rất nhiều người tài xế, cũng như người Công giáo làm nghề kinh doanh tôn kính và thường treo ở xe, hoặc nơi làm việc. Qua phỏng vấn một số tài xế thì họ cho rằng, linh mục này rất thiêng và được nhiều người dân trong vùng coi ông như một vị “thần tài” có thể đem lại cho những người tôn kính nhiều ơn may mắn trong làm ăn. Như vậy, ngoài niềm tin vào Thiên Chúa, Đức Mẹ... rõ ràng những cá nhân này còn có một sự suy nghĩ rất thực tế trong việc chọn cho mình một nhân vật thiêng để nhờ cậy, gửi gắm trong các hoạt động buôn bán và nghề nghiệp khác nhau.

Xu hướng đặt niềm tin vào các mục tiêu thế tục cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các “dịch vụ” tôn giáo, tín ngưỡng ra đời. Một số trường hợp đã bị lợi dụng để trục lợi và làm sai lệch các bản chất của tôn giáo, hoặc ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục. Tuy nhiên, nó cũng phản ánh một thực tế là nhu cầu an ninh tinh thần của con người trong xã hội hiện đại là rất cấp thiết mà đôi khi các dịch vụ thế tục không trợ giúp được.

### ***3.4. Xu hướng không tuyệt đối hóa với một niềm tin***

Ngày nay, người ta có thể thấy rõ hơn sự chuyển các đối tượng thiêng khác nhau vào một ngôi chùa. Đôi khi vào một số ngôi chùa Phật, người ta thấy có cả thần, thánh, tượng Bác Hồ<sup>33</sup>,... tức các đối tượng thiêng bên ngoài lịch sử và truyền thống Phật giáo. Thực chất đó cũng là một dạng tâm thức đa thần tồn tại phổ biến trong nhân gian và có từ lâu đời trong truyền thống văn hóa Việt Nam. Trường hợp này không xảy ra với thánh đường Islam và các nhà thờ Công giáo và đạo Tin Lành. Rõ ràng với hiện tượng như vậy, sự xuất hiện đa dạng niềm tin có thể xảy ra ngay tại một cơ sở thờ tự, hoặc có thể diễn ra với cá nhân mỗi người tín đồ. Có thể ngoài

một niềm tin chủ lưu, họ vẫn có những tâm thức với các niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng, hoặc với các dạng thức văn hóa tâm linh khác nhau. Xu hướng này thường thấy rõ nhất là những người theo tín ngưỡng dân gian, truyền thống, những người theo Phật giáo, kể cả Công giáo. Tuy nhiên qua những đợt khảo sát thực tế ở các vùng người Chăm theo Islam giáo, thì việc tôn thờ duy nhất một Thượng đế vẫn được tuân thủ tuyệt đối<sup>34</sup>. Trường hợp đạo Tin Lành hiện nay cũng tương đối dè dặt và cẩn trọng với các tín ngưỡng truyền thống. Người theo đạo Tin Lành lâu năm với một niềm tin vững chắc cũng không thờ cúng một loại thần linh nào ngoài Thiên Chúa của họ.

Với người Công giáo, luân lý buộc họ chỉ trung thành thờ phượng duy nhất một Thiên Chúa, phải trung thành với Thiên Chúa mà không được thờ phượng các Đấng thiêng nào khác ngoài Thiên Chúa của mình, điều này đã được ghi trong Mười điều răn: “Chỉ thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất”. Nếu ai bội tín niềm tin sẽ phạm tội trọng, bởi vậy có một thời kỳ dài Giáo hội rất e dè với việc trưng bày ảnh tượng, vì sợ lại rơi vào lạc giáo, sùng bái ngẫu tượng như các ghi chép trong các sách Cựu Ước.

Cuộc sống đã đổi khác, người Công giáo Việt Nam đã được Giáo hội cho phép được tôn kính ông bà tổ tiên bên cạnh Thiên Chúa của mình. Việc này trên thực tế đã cởi trói tâm lý dè nén người Công giáo sau mấy trăm năm bị cấm kính nhớ ông bà cha mẹ. Nó chính thức đưa Công giáo hội nhập sâu với văn hóa Việt. Việc bên cạnh bàn thờ Thiên Chúa có bàn thờ tôn kính ông bà, tổ tiên đã thỏa mãn tâm thức đa thần phổ biến ở nhiều người Việt.

Tuy nhiên, ngày nay không chỉ có ông bà tổ tiên, vẫn có thiếu số những người Công giáo bên cạnh thờ phượng Thiên Chúa thì họ còn có những trường hợp thiếu số xem bói, xem ngày giờ, xem tướng số, đi chùa, đình, miếu, v.v... Điều đó cũng có nghĩa là họ vẫn có niềm tin vào Đấng thiêng của mình nhưng bên cạnh sự trung tín đó họ cũng đã “cởi lòng” hơn với các hoạt động mà về mặt luân lý không được Giáo hội cho phép. Bên cạnh niềm tin vào Thiên

Chúa, phải chăng họ vẫn cần những trợ lực tâm linh khác mà bản thân tôn giáo của họ chưa đáp ứng với cá nhân họ?

Xu hướng này tồn tại một phần vì truyền thống văn hóa, tôn giáo ở Việt Nam hết sức đa dạng và luôn đặt con người ta trước các lựa chọn cũng như trải nghiệm tôn giáo, văn hóa khác nhau. Mặt khác, cũng thể hiện xu hướng biến động trong tâm trí nhiều người. Trước những đổi thay chóng mặt của đời sống xã hội, con người ta có thể gặp những rủi ro bất trắc, trong bối cảnh đó, con người có xu hướng cầu an, tìm trợ lực bảo đảm các an ninh về mặt tinh thần cho mình. Điều này tạo ra cơ hội cho các tôn giáo khác nhau quảng bá chân lý của mình, tạo ra một sự đa dạng và đa nguyên trong đời sống đức tin của không ít cá nhân. Cũng có thể tình huống này cho thấy với một vài tín đồ, Thiên Chúa đã không còn được xem là toàn năng, nên họ muốn cầu xin, kiếm tìm một sự dự báo cũng như may rủi trong các trải nghiệm tâm linh khác.

Tuy nhiên, với những định chế chặt chẽ và các ràng buộc luân lý, xu hướng này vẫn chỉ là những chỉ báo nhỏ trong các tôn giáo có truyền thống tổ chức và kỷ luật tốt. Xu hướng này cũng phản ánh một tâm lý thực tế của con người muốn vươn ra khỏi các khuôn mẫu niềm tin vững chắc để đến với các niềm tin có tính chất ứng dụng, thực tế. Cũng có thể nó phản ánh sự nhạt nhòa hay yếu đuối trong đức tin của con người với Đấng thiêng của mình.

### **Mấy nhận xét**

1. Niềm tin tôn giáo là điều căn cốt mà các tổ chức và truyền thống tôn giáo muốn duy trì trong các cộng đồng tín đồ của mình. Dù vậy, trong bối cảnh hiện đại và thế tục hóa, niềm tin tôn giáo không tránh khỏi những ảnh hưởng biến động từ ngoại cảnh và nhu cầu cạnh tranh của chính các tôn giáo. Làm sao để giữ vững trái tim của các tín đồ trung thành và tin tưởng tuyệt đối của các Đấng thiêng mà họ đã tuyên xưng là một quá trình mâu thuẫn của không ít tổ chức tôn giáo ngày nay khi giải quyết câu chuyện hiện đại và giữ vững căn tính niềm tin tôn giáo của mình.

2. Đa số các tổ chức tôn giáo vẫn củng cố thiết chế và sửa đổi linh hoạt các quy tắc tổ chức thực hành và hoạt động của mình để nhằm củng cố niềm tin cho người tín đồ, đồng thời quảng bá và giới thiệu rộng rãi các hình ảnh tôn giáo của mình với cộng đồng xã hội. Tuy nhiên, vẫn phải thừa nhận một thực trạng là trong bối cảnh đa dạng các loại hình tổ chức tôn giáo, dẫn đến sự đa dạng cạnh tranh và sự mở rộng của nhiều giá trị niềm tin tôn giáo khác nhau ở Việt Nam làm sự trung tín với một niềm tin duy nhất ít nhiều bị ảnh hưởng. Nó được biểu hiện qua các hiện tượng cải đạo, nhạt đạo, xu hướng thực tế trong diễn tả niềm tin, hay đồng thời tồn tại niềm tin song song, đa nguyên niềm tin trong mỗi cá thể như một số phân tích ở trên.

3. Niềm tin tôn giáo bao giờ cũng biểu hiện qua các thực hành tôn giáo. Có hai dạng thực hành là thuần túy tôn giáo và hướng đích xã hội. Trong bối cảnh ngày nay, nhìn vào các thực hành tôn giáo đã cung cấp cho chúng ta nhiều diện mạo. Một mặt chúng ta thấy đời sống tôn giáo rất sôi động và hầu như mọi người dân đều quan tâm đến tín ngưỡng tôn giáo trong đời sống của mình. Điều đó khẳng định thêm sự cần thiết của tôn giáo như một nhu cầu tinh thần không thể thiếu của con người ngay cả trong xã hội hiện đại. Nhưng mặt khác những khuynh hướng thực hành có phần sai lệch, lệch chuẩn so với quy định của tôn giáo, pháp luật của Nhà nước và truyền thống văn hóa của Việt Nam cũng phản ánh một hiện trạng về niềm tin thiếu đi chiều sâu, xa rời bản chất tôn giáo, ít nhiều gắn nhiều với các giá trị thế tục hơn là giá trị tôn giáo. Hệ thống triết lý niềm tin vào các đối tượng thiêng là một hằng số có tính chất chân lý mà mọi tôn giáo đều ra sức bảo vệ giữ gìn và quảng bá. Niềm tin căn cốt thường chỉ cải sửa, bổ sung và thích ứng, hầu như không thay đổi theo ngoại cảnh, nhưng rõ ràng các thực hành luân lý biểu đạt niềm tin căn cốt đó của con người đang có nhiều biến đổi trong bối cảnh hiện đại hóa. /.

**CHÚ THÍCH:**

- 1 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946 ghi: “Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng” (Điều 10); Hiến pháp năm 1959 ghi: “Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào (Điều 26); Hiến pháp năm 1980 ghi: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của nhà nước”.
- 2 Đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội... là một thời kỳ chứ không phải là một sự kiện. Thời kỳ đó có dấu mốc chung được tính từ năm 1986. Riêng với đổi mới quan điểm, chính sách tôn giáo được tính từ năm 1990, với dấu mốc là Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị.
- 3 Các số liệu chúng tôi dẫn theo Nguyễn Thanh Xuân (2019), “Những con số liên quan đến đời sống tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới”, *Công tác Tôn giáo*, số 6, tr. 6.
- 4 Số liệu này dẫn theo Trần Hữu Hợp (2016), “Tôn giáo ở Nam Bộ và những xu hướng phát triển trong thời kỳ Đổi mới”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11&12, tr. 127.
- 5 Trong các văn bản quản lý Nhà nước về tôn giáo vẫn thường ghi là Hồi giáo. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ: Islam giáo.
- 6 Ban Tôn giáo Chính phủ (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo*.
- 7 Ban Tôn giáo chính phủ (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo*.
- 8 Lĩnh vực giáo dục, y tế, từ thiện xã hội.
- 9 Đỗ Quang Hưng (2013), “Tôn giáo và xã hội: Tiếp cận lý thuyết”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Tôn giáo trong xã hội Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 32.
- 10 Đỗ Quang Hưng (2013), “Tôn giáo và xã hội: Tiếp cận lý thuyết”, *Tlđđ*, tr. 33-34.
- 11 Phần này chúng tôi kế thừa có bổ sung một số kết quả nghiên cứu từ đề tài *Biến đổi Công giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay* do Tiến sĩ Nguyễn Thị Quế Hương làm chủ nhiệm, niên khóa 2017-2018.
- 12 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2014), “Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra” đề tài *Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên*.
- 13 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2014), “Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra” đề tài *Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên*.
- 14 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), “Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học” đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*.

- 15 Giáo hội khi ấy tuyên bố quan điểm: Ngoài Giáo hội không có ơn cứu độ. Ý muốn nói sự độc quyền cứu rỗi của mình.
- 16 Dẫn theo: Nhiều tác giả (2009), *Niềm tin của người Công giáo*, Nhóm biên dịch Phạm Minh Thiện, Tổng Viết Hiệp, Phan Mạnh Trinh, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 42.
- 17 Nhiều tác giả (2009), *Niềm tin của người Công giáo* Sđd, tr. 42.
- 18 Các trích dẫn trích theo bài của Tu sĩ Lorenzo Vũ Văn Trinh, *Đức tin của giới trẻ trong đời sống hôm nay*. Đăng trên trang website của Tổng Giáo phận Tp. Hồ Chí Minh ngày 31/05/2011, đường link <http://tonggiaophansaigon.com/baiviet-tintuc/20110531/10627>
- 19 Những tộc người như Mông, Dao có thể bỏ tín ngưỡng truyền thống của mình theo đạo Tin Lành, hoặc những người Tin Lành có thể chuyển đổi hệ phái.
- 20 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), “Kết quả khảo sát xã hội học” đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*.
- 21 Xem thêm: Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), “Niềm tin tôn giáo trong mối quan hệ với niềm tin xã hội”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12, tr. 81-82.
- 22 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), “Kết quả khảo sát xã hội học” đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*, Tlđd.
- 23 Thông tin từ cuộc khảo sát của đoàn công tác Viện Nghiên cứu Tôn giáo với một cộng đồng Chăm Islam tại An Giang vào tháng 8/2018.
- 24 Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), “Kết quả khảo sát xã hội học” đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*.
- 25 Thông tin từ cuộc khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tại Tây Ninh, Bình Phước, Ninh Thuận và Bình Thuận tháng 8 và tháng 9/2019.
- 26 Thông tin từ đợt khảo sát thực tế tại Ninh Thuận của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tháng 9/2019.
- 27 Cuộc khảo sát của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tại Hà Giang tháng 4/2014 cho thấy có nhiều trường hợp cán bộ nhà nước khi về hưu quy y Phật giáo và trở thành Phật tử.
- 28 Kết quả khảo sát điền dã ở các vùng người Chăm theo Islam tại Tây Ninh, Bình Phước và Ninh Thuận tháng 8 và 9/2019 cho thấy những cuộc hôn nhân khác tôn giáo, người chồng hoặc vợ khi đã theo Islam vẫn tuân thủ tuyệt đối các giáo lý giáo luật cũng như nghi lễ của tôn giáo này.
- 29 Pierre Bréchon (2003), *Les valeurs des Français*, Ed. Armand Colin, pp. 175-176.
- 30 Ý kiến của Linh mục Nguyễn Trọng Viễn, trong cuốn sách *Những căn bệnh trầm kha trong đời sống đức tin Công giáo*.
- 31 *Niềm tin của người Công giáo*, Nhóm biên dịch Phạm Minh Thiện, Tổng Viết Hiệp, Phan Mạnh Trinh, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2009, tr. 701.
- 32 Báo cáo kết quả khảo sát xã hội học của đề tài *Biến đổi của Công giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay* do Tiến sĩ Nguyễn Thị

Quế Hương làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì, niên khóa 2017-2018.

- 33 Có thể thấy tượng Bác Hồ trong một vài ngôi chùa ở thành phố Điện Biên và thành phố Lai Châu.
- 34 Thông tin từ những cuộc khảo sát thực tế tại Tây Ninh, Bình Phước, Ninh Thuận và Bình Thuận tháng 8 và tháng 9/2019 của Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo*.
2. *Dữ liệu khảo sát của cá nhân tác giả tại An Giang, Tp. Hồ Chí Minh vào tháng 8/2018 và Tây Ninh, Bình Phước, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lai Châu tháng 8, 9, 10/2019.*
3. Trần Hữu Hợp (2016), “Tôn giáo ở Nam Bộ và những xu hướng phát triển trong thời kỳ Đổi mới”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11&12.
4. Đỗ Quang Hưng (2013), “Tôn giáo và xã hội: Tiếp cận lý thuyết”, trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Tôn giáo trong xã hội Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Quế Hương (2018), *Biến đổi của Công giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Báo cáo tổng quan đề tài cấp Bộ, lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
6. Pierre Bréchon (2003), *Les valeurs des Français*. Ed. Armand Colin.
7. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), “Niềm tin tôn giáo trong mối quan hệ với niềm tin xã hội”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
8. Nhiều tác giả (2009), *Niềm tin của người Công giáo*, Nhóm phiên dịch Phạm Minh Thiện, Tổng Viết Hiệp, Phan Mạnh Trinh, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Tu sĩ Lorenzo Vũ Văn Trình, *Đức tin của giới trẻ trong đời sống hôm nay*. Đăng trên trang website của Tổng giáo phận Tp. HCM ngày 31/05/2011, đường link <http://tonggiaophansaigon.com/baiviet-tintuc/20110531/10627>
10. Nguyễn Thanh Xuân (2019), “Những con số liên quan đến đời sống tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới”, *Công tác Tôn giáo*, số 6.
11. Linh mục Nguyễn Trọng Viễn (2008), *Những căn bệnh trầm kha trong đời sống đức tin Công giáo tại Việt Nam*, Nxb. Phương Đông.
12. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2014), Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra đề tài *Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên*.
13. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2017), Báo cáo kết quả xử lý số liệu điều tra xã hội học đề tài *Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong gia đình Việt Nam hiện nay*.

**Abstract****TRANSFORMATION OF THE RELIGIOUS LIFE IN THE ASPECT OF FAITH IN VIETNAM FROM 1990 TO PRESENT****Ngô Quốc Đông***Institute for Religious Studies, VASS*

In this paper, the author firstly examines the general situation of religious faith since the Renewal of religious policies of the Party and the State from 1990 to present. This section indicates the increase or decrease of those who identify themselves belonged to a religion. Next, the article analyzes religious faith through some specific religious cases. Through sociological data, it shows the general situation that whether religions with a strong institution or not they have been influenced by socio-economic changes, especially the secularization. And the attachment of believers to different religious beliefs in religious organizations. Finally, the article addresses some current trends of changing religious faith through dimensions such as religious subjects and the object of worship; the process of conversion as well as changes in diversity, integration and pragmatism in the faith of the subjects themselves.

**Keywords:** Transformation; faith; Catholicism; Buddhism; Protestantism.